

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chế độ trợ cấp cho đối tượng đang nuôi dưỡng
tại các Cơ sở Bảo trợ xã hội thuộc ngành Lao động Thương binh và Xã hội

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU



Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2007/NQ-HĐND ngày 02/8/2007 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về việc phê chuẩn việc nâng chế độ trợ cấp cho đối tượng tại các Trung tâm bảo trợ xã hội trên địa bàn Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Theo Tờ trình số 1308/TTr.LĐTĐ ngày 25/7/2007 của Sở Lao động-thương binh và xã hội về việc nâng chế độ trợ cấp cho đối tượng tại các trung tâm bảo trợ xã hội,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Nay ban hành mức trợ cấp cho các đối tượng là người già neo đơn, người tàn tật, người tâm thần, trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS, người lang thang đang nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội thuộc ngành Lao động -thương binh và xã hội quản lý (Trung tâm Xã hội, Trung tâm Bảo trợ trẻ em Vũng Tàu, Trung tâm Bảo trợ cô nhi khuyết tật, Trung tâm Nuôi dưỡng - Dạy nghề, Trung tâm Nuôi dưỡng người già neo đơn), cụ thể như sau :

1. Trợ cấp nuôi dưỡng :

a) Mức trợ cấp 360.000 đ/người/tháng áp dụng cho các đối tượng sau :

- Trẻ em mồ côi, trẻ bị bỏ rơi trên 18 tháng tuổi;
- Người già neo đơn;
- Người tàn tật .

b) Mức trợ cấp 500.000 đ/người/tháng áp dụng cho các đối tượng :

- Trẻ em mồ côi, trẻ bị bỏ rơi dưới 18 tháng tuổi;
- Trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi trên 18 tháng tuổi bị nhiễm HIV/AIDS hoặc bị tàn tật;
- Người mắc bệnh tâm thần.

c) Đối tượng là người lang thang, xin ăn trong thời gian tập trung chờ đưa về nơi cư trú được trợ cấp 10.000 đ/người/ngày, theo quy định không quá 30 ngày . Trường hợp đặc biệt cần phải kéo dài thời gian thì được hưởng trợ cấp tối đa không quá 03 tháng và mức trợ cấp bằng mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng tại cơ sở bảo trợ xã hội .

2. Trợ cấp tư trang :

- Các đối tượng đang nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội được trợ cấp tiền mua tư trang, vật dụng sinh hoạt với mức 350.000 đ/người/năm.

- Riêng đối tượng là người lang thang, xin ăn trong thời gian tập trung chờ đưa về nơi cư trú được hỗ trợ tiền mua tư trang, vật dụng sinh hoạt mức hỗ trợ là 150.000 đ/lượt người .

3. Trợ cấp tiền thuốc chữa bệnh thông thường :

-Đối tượng là trẻ em mồ côi, trẻ bị bỏ rơi, trẻ nhiễm HIV/AIDS, người già neo đơn, người tàn tật, người tâm thần, người lang thang nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội được trợ cấp tiền thuốc chữa bệnh thông thường với mức 100.000 đ/người/tháng . Riêng đối tượng bị nhiễm HIV/AIDS ngoài tiền thuốc chữa bệnh thông thường còn được hỗ trợ điều trị nhiễm trùng cơ hội mức 150.000 đ/người/năm .

4. Trợ cấp học văn hoá :

a)Trợ cấp tiền mua tập vở, đồ dùng học tập .

-Cấp 1 : 150.000 đ/em/tháng

-Cấp 2 : 180.000 đ/em/tháng

-Cấp 3 : 220.000 đ/em/tháng

-Học nghề : 350.000 đ/em/năm .

b)Trợ cấp tiền mua sách giáo khoa : Các em đi học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, hoặc cao đẳng, đại học được thanh toán tiền mua sách giáo khoa theo giá sách hiện hành.

5. Trợ cấp vệ sinh nữ trong độ tuổi sinh đẻ : Trợ cấp vệ sinh cá nhân hàng tháng đối với đối tượng nữ trong độ tuổi sinh đẻ là 13.000 đ/người/tháng .

6. Tiền mai táng phí : Các đối tượng nuôi dưỡng tại các cơ sở Bảo trợ xã hội khi chết được hỗ trợ chi phí mai táng như sau :

-Người lớn : 3.200.000 đ

-Trẻ em : 2.700.000 đ

Điều 2. Giao trách nhiệm cho Giám đốc Sở Lao động-thương binh và xã hội chủ trì phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 6922/QĐ-UB ngày 24/7/2003 và văn bản số 741/UB.VP ngày 09/3/2001 của UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu .

Điều 4. Chánh văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc các Sở : Lao động -thương binh và xã hội; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Giáo dục-đào tạo, Y tế, Kho bạc Nhà nước Tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này .

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Thành Kỳ

Nơi nhận :

- Website Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ; “Đề b/c”
- Cục kiểm tra Văn Bản Bộ Tư pháp; “ ”
- Bộ Lao động-thương binh và xã hội; “ ”
- TTr. TU, TTr. HĐND Tỉnh; “ ”
- Đoàn đại biểu Quốc hội Tỉnh; “ ”
- Chủ tịch và PCT.UBND Tỉnh
- UBMTTQVN Tỉnh và các đoàn thể;
- Các Ban HĐND Tỉnh;
- Sở Tư pháp Tỉnh
- Đài PTTH, Báo BR-VT;
- Trung tâm công báo Tỉnh
- Nhu điều 4;
- Lưu VT-TH

V3